

Số: 2620/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 27 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Giao kế hoạch vốn đầu tư XDCB tập trung
năm 2014 - tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ tám về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1561/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư XDCB tập trung năm 2014 cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh thực hiện (Có biểu kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Kế hoạch vốn đầu tư XDCB tập trung năm 2014 được thực hiện theo những nguyên tắc chung sau đây:

1. Bố trí vốn theo đúng quy định tại tinh thần Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Tập trung vốn cho trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương. Hạn chế khởi công mới các công trình, dự án, chỉ bố trí cho các công trình, dự án khởi công mới thật sự cấp bách khi đã bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho các công trình, dự án hoàn thành năm 2013 trở về trước và các công trình, dự án chuyển tiếp, hoàn trả các khoản vốn vay, ứng trước.

Điều 3.

1. Giao Giám đốc Kế hoạch và Đầu tư thực hiện:

1.1. Tham mưu UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn xây dựng nông thôn mới cho 20 xã chi đạo điểm về nông thôn mới sau khi đã thống nhất với đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục chi tiết trong quý I/2013.

1.2. Tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết danh mục vốn hỗ trợ theo mục tiêu từ ngân sách TW, vốn ODA sau khi có Quyết định giao vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Giao Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ công trình đã được Sở Tài chính quyết toán để giải ngân theo đề nghị của Chủ đầu tư đối với vốn thanh toán các công trình quyết toán.

3. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã thực hiện:

3.1. Triển khai kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2014 được UBND tỉnh giao cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc (sau khi đã thông qua HĐND cùng cấp) và báo cáo kết quả giao vốn về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15/01/2014.

3.2. Việc triển khai giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn do UBND tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương, đảm bảo các nguyên tắc chung được quy định tại Điều 2, Quyết định này. Bố trí vốn phải đảm bảo tối thiểu cơ cấu được tỉnh giao cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo (1,8 tỷ đồng/huyện, thị). Chủ động bố trí lồng ghép các nguồn vốn cho chương trình xây dựng nông thôn mới, cho công tác chuẩn bị đầu tư các công trình dự kiến thực hiện trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

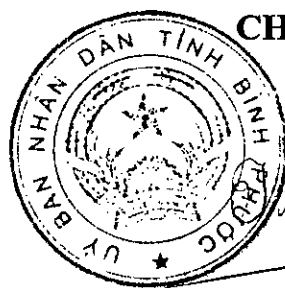
3.3. Bố trí vốn đầu tư XDCB phải đảm bảo đúng tính chất, nội dung, không bố trí vốn đầu tư XDCB cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như các công trình duy tu, sửa chữa, bảo trì các cơ sở vật chất hiện có.

3.4. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2013 sang năm 2014 ngay từ đầu năm, thực hiện nhanh chóng công tác giải ngân khi có khối lượng đã thực hiện. Đối với các công trình khởi công mới (nếu có) phải tổ chức đấu thầu, khởi công trong 6 tháng đầu năm 2014.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ: KH và ĐT, TC;
- CY, PCT;
- Như Điều 3;
- Huyện, thị ủy, TT.HĐND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trâm

KẾ HOẠCH VỐN XDCB TẬP TRUNG NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 2620/QĐ-UBND ngày 27 / 12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	DANH MỤC	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi kê hoạch vốn đến năm 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014						GHI CHÚ
					TỔNG CỘNG	Trong đó					
						Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Vốn hỗ trợ theo mục tiêu NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (A+B)				<u>1.308.110</u>	<u>296.500</u>	<u>523.110</u>	<u>215.000</u>	<u>247.500</u>	<u>26.000</u>	
A	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ				<u>970.950</u>	<u>147.000</u>	<u>335.450</u>	<u>215.000</u>	<u>247.500</u>	<u>26.000</u>	
A1	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CÔNG ÍCH				<u>1.000</u>	<u>1.000</u>					
A2	TRẢ NỢ VAY				<u>91.600</u>	<u>91.600</u>					
I	Vay Chương trình KCH kênh mương, GTNT				91.600	91.600					
A3	VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN										
I	NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN										
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành				<u>40.000</u>		<u>40.000</u>				
1	Xây dựng Nông thôn mới				40.000		40.000				20 xã chỉ đạo điểm (giao Sở NN và PTNT đề xuất danh mục chi tiết)
I	GIAO THÔNG - VẬN TẢI										
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành				<u>193.184</u>	<u>132.577</u>	<u>130.060</u>	<u>4.300</u>	<u>105.450</u>	<u>20.310</u>	
					<u>193.184</u>	<u>132.577</u>	<u>130.060</u>	<u>4.300</u>	<u>105.450</u>	<u>20.310</u>	
1	Đường Lê Quý Đôn thị xã Đồng Xoài	62/QĐ-UBND ngày 14/1/2013 (QĐ điều chỉnh)			53.991	46.700	3.000		3.000		UBND thị xã Đồng Xoài
2	Đường Minh Hưng - Đồng Nơ (ghi thu, ghi chi)						80.200		80.200		Sở TC ghi thu, ghi chi
3	Đường xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài, thị xã Đồng Xoài	2233/QĐ-UBND ngày 01/11/2012			14.890	3.430			11.460		UBND thị xã Đồng Xoài

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	GTĐB đường Lộc Tấn - Bù Đốp đoạn qua huyện Lộc Ninh				1.850			1.850			UBND huyện Lộc Ninh
5	GTĐB đường QL13 đoạn qua huyện Lộc Ninh				4.300	4.300					UBND huyện Lộc Ninh
6	Đường vào trung tâm xã Tân Hòa - huyện Đồng Phú	1910/QĐ-UBND ngày 27/9/2012	32.843	17.277	10.000		10.000				Sở GT-VT
7	Đường vào trung tâm xã Tân Lợi - huyện Đồng Phú	692/QĐ-UBND ngày 29/4/2010	33.460	13.170	15.250		15.250				UBND huyện Đồng Phú
8	Đường vào trung tâm xã Thanh An huyện Hớn Quản (Đổi ứng NSĐP)	1000/QĐ-UBND ngày 28/4/2010	58.000	52.000	4.000			4.000			UBND huyện Hớn Quản
II	<u>HA TÀNG ĐÔ THỊ</u>		41.793	9.000	15.000	-	-	15.000			
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>		<i>41.793</i>	<i>9.000</i>	<i>15.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>15.000</i>			
1	Xây dựng hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2706/QĐ-UBND ngày 23/11/2010	41.793	9.000	15.000			15.000			Sở Xây dựng
III	<u>Y TẾ</u>		147.848	49.841	38.800	0	0	38.800			
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>		<i>79.848</i>	<i>49.841</i>	<i>23.800</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>23.800</i>			
1	Bệnh viện đa khoa huyện Bù Gia Mập	971/QĐ-UBND ngày 26/4/2011	30.635	20.900	8.000			8.000			UBND huyện Bù Gia Mập
2	Xây dựng trạm Y tế, sân vườn, hàng rào thuộc xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	2319/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	5.302	4.500	800			800			UBND huyện Chơn Thành
3	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (đổi ứng NSĐP)	2439/QĐ-UBND ngày 10/11/2008	43.911	24.441	15.000			15.000			Bệnh viện y học cổ truyền
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>68.000</i>	<i>0</i>	<i>15.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>15.000</i>			
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản	1002/QĐ-UBND ngày 28/4/2010	68.000		15.000			15.000			UBND huyện Hớn Quản
IV	<u>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</u>		280.838	155.865	96.000	25.000	0	71.000			
	<i>Công trình chuyển tiếp - hoàn thành</i>		<i>277.264</i>	<i>155.865</i>	<i>94.000</i>	<i>25.000</i>	<i>0</i>	<i>69.000</i>			
1	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long	2019/QĐ-UBND ngày 6/9/2011	106.600	80.000	25.000	25.000					UBND thị xã Bình Long
2	Trường THPT Đồng Tiến, huyện Đồng Phú	2305/QĐ-UBND ngày 25/10/2011	39.285	27.000	10.000			10.000			Sở GD-ĐT
3	Xây dựng Ký túc xá học sinh Trường THPT chuyên Quang Trung	2635/QĐ-UBND ngày 16/11/2010	11.967	3.400	5.000			5.000			Trường chuyên Quang Trung

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	2351/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	49.980	12.000	20.000			20.000			Sở GD-ĐT
5	Trường mầm non xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	2104/QĐ-UBND ngày 22/10/2012	14.932	5.465	9.000			9.000			UBND huyện Hớn Quản
6	Trường MN Tân Thiện - Thị xã Đồng Xoài	3500/QĐ-UBND ngày 23/10/2012	18.500	9.000	8.000			8.000			UBND thị xã Đồng Xoài
7	Trường MN Tân Khai B, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	2124/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	17.000	10.000	6.000			6.000			UBND huyện Hớn Quản
8	Trường MN Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	1810/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	19.000	9.000	9.000			9.000			UBND huyện Bù Đốp
9	Đổi ứng Chương trình đảm bảo chất lượng GD các trường học (SEQAP)				2.000			2.000			Các huyện, thị
	Công trình khởi công mới		3.574		2.000			2.000			Giao Sở GD&ĐT để xuất phân bổ
1	XD 02 phòng mầm non và 02 phòng TH Đa Bông Cua, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	1648/QĐ-UBND ngày 17/9/2013	3.574		2.000			2.000			UBND huyện Bù Đăng
V	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				17.000			17.000			
	Công trình khởi công mới				17.000			17.000			
1	XD khu thực nghiệm và TT phục vụ nghiên cứu phát triển KHCN sinh học - TT ứng dụng tiên bộ KHCN tỉnh	2523/QĐ-UBND ngày 13/12/2012	8.350		8.000			8.000			Sở KH-CN
2	Bổ sung hệ thống giao ban điện tử trực tuyến tỉnh	1953/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	3.572		3.000			3.000			Sở TT-TT
3	Đầu tư TTB nâng cao năng lực quản lý về trồng trọt và bảo vệ thực vật	1948/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	3.572		3.000			3.000			Sở KH-CN
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khoa học, công nghệ tỉnh	1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	4.985		3.000			3.000			Sở KH-CN
VI	VĂN HÓA - XÃ HỘI		163.226	34.361	30.000	0	0	30.000			
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành		163.226	34.361	30.000	0	0	30.000			
1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin tỉnh	1118/QĐ-UBND ngày 17/5/2010	163.226	34.361	30.000			30.000			Sở VH-TT và DL
VII	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		35.399	14.849	21.100	6.900	-	14.200			
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành		35.399	14.849	16.100	1.900	-	14.200			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản và Trung tâm trợ giúp pháp lý	3210/QĐ-UBND ngày 17/11/2010; 2153/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	6.847	4.100	2.500	1.900		600			Trung tâm DV bán ĐGTS
2	Trụ sở UBND thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản (Đổi ứng NSĐP)	2554/QĐ-UBND ngày 20/12/2012	4.700	3.300	1.400			1.400			UBND huyện Hớn Quản
3	Trụ sở UBND phường Long Phước, thị xã Phước Long (Đổi ứng NSĐP)	2553/QĐ-UBND ngày 20/12/2012	6.700	4.700	2.000			2.000			UBND thị xã Phước Long
4	Đổi ứng NSĐP dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở LĐLĐ tỉnh				1.000			1.000			Liên đoàn LĐ
5	Trung tâm lưu trữ Tỉnh ủy	1430/QĐ-UBND ngày 17/10/2012	17.152	2.749	9.200			9.200			Văn phòng TU
	Công trình khởi công mới		11.557		5.000	5.000					
1	Trụ Sở làm việc Đảng ủy khối DN tỉnh	218/QĐ-UBND ngày 5/2/2013	11.557		5.000	5.000					Đảng ủy khối DN
VIII	QUỐC PHÒNG - AN NINH		56.613	10.000	23.890	18.200		5.690			
	Công trình chuyển tiếp - hoàn thành		28.030	10.000	13.200	13.200					
1	Hỗ trợ Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ CA (NSĐP hỗ trợ 50%)	3013/QĐ-H11-H16 ngày 28/7/2009 của Bộ CA	28.030	10.000	5.000	5000					Công an tỉnh
2	GTĐB công trình doanh trại, vật kiến trúc, cây trồng và trạm kiểm soát BP cửa khẩu Hoa Lư	2386/QĐ-UBND ngày 03/11/2011	8.200		8.200	8200					Ban QL khu KT
	Công trình khởi công mới		28.583		10.690	5000	0	5690			
1	Trường Quân sự địa phương (nhà ở học viên, nhà ăn CB, GV)	19/QĐ-UBND ngày 07/01/2013	9.313		5.690			5690			Bộ CHQS tỉnh
2	Trụ sở Đội PCCC khu vực huyện Chơn Thành	1450/QĐ-UBND ngày 14/8/2013	19.270		5.000	5000					Công an tỉnh
IX	THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN				3.000			3000			Giao KBNN tỉnh căn cứ hồ sơ công trình đã được Sở Tài chính quyết toán để giải ngân theo đề nghị của Chủ ĐT
X	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (GHI THU, CHI CHI)				190.000			190.000			
XI	HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU TỪ NSTW				247.500				247500		
XII	VỐN NƯỚC NGOÀI				26.000					26000	
B	VỐN PHÂN CẤP HUYỆN - THI				337.160	149.500	187.660				

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	THI XÃ ĐÔNG XÒAI				50.100	16.100	34.000				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				16.100	16.100					
b	Tiền sử dụng đất				34.000		34.000				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
II	THI XÃ BÌNH LONG				29.000	15.640	13.360				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				15.640	15.640					
b	Tiền sử dụng đất				13.360		13.360				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
III	THI XÃ PHƯỚC LONG				39.800	13.800	26.000				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				13.800	13.800					
b	Tiền sử dụng đất				26.000		26.000				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
IV	HUYỆN ĐÔNG PHÚ				32.100	16.100	16.000				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				16.100	16.100					
b	Tiền sử dụng đất				16.000		16.000				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
V	HUYỆN BÙ ĐĂNG				37.020	17.020	20.000				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				17.020	17.020					
b	Tiền sử dụng đất				20.000		20.000				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
VI	HUYỆN BÙ GIA MẬP				31.825	17.825	14.000				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				17.825	17.825					
b	Tiền sử dụng đất				14.000		14.000				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
VII	HUYỆN CHƠN THÀNH				28.250	12.650	15.600				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				12.650	12.650					
b	Tiền sử dụng đất				15.600		15.600				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
VIII	HUYỆN HÓN QUẢN				19.505	12.305	7.200				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				12.305	12.305					
b	Tiền sử dụng đất				7.200		7.200				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
IX	HUYỆN LỘC NINH				48.785	15.985	32.800				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				15.985	15.985					
b	Tiền sử dụng đất				32.800		32.800				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ
X	HUYỆN BÙ ĐÓP				20.775	12.075	8.700				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí				12.075	12.075					
b	Tiền sử dụng đất				8.700		8.700				Cơ cấu GD -ĐT bố trí tối thiểu 1,8 tỷ